**Hà Nội, ngày 28 tháng 5 năm 2023**

**HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN**

**KHOA CHÍNH TRỊ**

**-------------------------**



**TIỂU LUẬN**

**HỌC PHẦN CHÍNH TRỊ HỌC PHÁT TRIỂN**

**LÝ LUẬN VÀ GIẢI PHÁP QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG ĐẾN SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG Ở VIỆT NAM HIỆN NAY**

**Sinh viên: ĐOÀN MINH KHÁNH**

**Mã số sinh viên: 2055350026**

**Lớp : CT03064\_K40.3**

**Lớp : VĂN HOÁ PHÁT TRIỂN K41**

[**MỞ ĐẦU** 1](#_Toc136143773)

[**1. Lý do chọn đề tài** 1](#_Toc136143774)

[**2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu** 1](#_Toc136143775)

[**3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu** 2](#_Toc136143776)

[**3.1. Đối tượng nghiên cứu** 2](#_Toc136143777)

[**3.2. Phạm vi nghiên cứu** 2](#_Toc136143778)

[**4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu** 2](#_Toc136143779)

[**4.1. Cơ sở lý luận** 2](#_Toc136143780)

[**4.2. Phương pháp nghiên cứu** 2](#_Toc136143781)

[**5. Kết cấu của đề tài** 2](#_Toc136143782)

[**NỘI DUNG** 3](#_Toc136143783)

[**Chương 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG** 3](#_Toc136143784)

[**1.1. Khái niệm về quản lý môi trường** 3](#_Toc136143785)

[**1.2. Phát triển bền vững** 4](#_Toc136143786)

[*1.2.1. Khái niệm phát triển bền vững* 4](#_Toc136143787)

[*1.2.2. Các mô hình phát triển bền vững* 5](#_Toc136143788)

[*1.1.3. Các nguyên tắc xây dựng xã hội phát triển bền vững* 6](#_Toc136143789)

[**1.3. Quản lý môi trường để phát triển bền vững** 9](#_Toc136143790)

[*1.3.1. Mục tiêu của quản lý môi trường* 9](#_Toc136143791)

[*1.3.2. Sự vận động qua lại giữa môi trường và con người* 12](#_Toc136143792)

[**1.4. Vai trò của quản lý môi trường đối với sự phát triển bền vững** 14](#_Toc136143793)

[**CHƯƠNG 2: GIẢI PHÁP THỰC HIỆN QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG Ở VIỆT NAM HIỆN NAY** 17](#_Toc136143794)

[**2.1. Nội dung thực hiện quản lý môi trường ở Việt Nam** 17](#_Toc136143795)

[**2.2. Các hình thức thực hiện quản lý môi trường ở Việt Nam** 18](#_Toc136143796)

[*2.2.1. Khái niệm hình thức quản lý môi trường* 18](#_Toc136143797)

[*2.2.2. Quản lý tư nhân* 18](#_Toc136143798)

[*2.2.3. Quản lý cộng đồng* 20](#_Toc136143799)

[*2.2.4. Quản lý dựa vào cộng đồng* 21](#_Toc136143800)

[*2.2.3. Quản lý nhà nước* 22](#_Toc136143801)

[**2.3. Giáo dục môi trường** 24](#_Toc136143802)

[**2.4. Truyền thông môi trường** 25](#_Toc136143803)

[**2.4. Giải pháp thực hiện quản lý môi trường ở việt nam hiện nay** 26](#_Toc136143804)

[**KẾT LUẬN** 28](#_Toc136143805)

[**TÀI LIỆU THAM KHẢO** 28](#_Toc136143806)

**MỞ ĐẦU**

**1. Lý do chọn đề tài**

Theo Ủy ban Môi trường và Phát triển của Liên hợp quốc, phát triển bền vững “là sự phát triển nhằm thỏa mãn các nhu cầu hiện tại của con người nhưng không tổn hại tới sự thỏa mãn các nhu cầu của thế hệ tương lai” và “Để thực hiện sự phát triển lâu bền, quản lý môi trường nhất thiết sẽ là một bộ phận cấu thành của quá trình phát triển và không thể tác rời.

Nhận thức tầm quan trọng của mối liên hệ này, Đảng ta luôn đề cao quản lý môi trường vì mục tiêu phát triển bền vững. Trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng, mối quan hệ lớn “Giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội” được bổ sung thêm thành tố: “bảo vệ môi trường”; Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2021 - 2026 tiếp tục khẳng định: “Phát triển nhanh và bền vững…; phát triển hài hòa giữa kinh tế với văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu”.

Tại Rio de Janeiro , Chính phủ Việt Nam đã ký cam kết thực hiện chương trình nghị sự 21 và để thực hiện cam kết của Việt Nam với cộng đồng quốc tế, tháng 8 năm 2004 Chính phủ đã phê duyệt và ban hành “Định hướng chiến lược phát triển bền vững ở Việt Nam”. Đây là một hướng tiếp cận mới, mang tính hệ thống, dài hạn, đảm bảo sự phát triển của thế hệ hôm nay mà không làm phương hại, cản trở đến sự phát triển của thế hệ mai sau. Đó là sự phát triển hài hoà cả về kinh tế, xã hội, văn hoá, môi trường trong điều kiện của đất nước.

Nhận thấy được sự cấp thiết của quản lý môi trường, em chọn đề tài “Lý luận và giải pháp quản lý môi trường đến sự phát triển bền vững ở việt nam hiện nay”.

**2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu**

Từ cơ sở lý luận, hệ thống khái niệm quản lý môi trường đến sự phát triển bền vững ở việt nam hiện nay thì cần phải thực hiện:

Làm sáng tỏ những vấn đề lý luận về quản lý môi trường và phát triển bền vững.

Giải pháp quản lý môi trường hiện nay.

**3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

**3.1. Đối tượng nghiên cứu**

Tập trung nghiên cứu lý luận và giải pháp quản lý môi trường đến sự phát triển bền vững ở việt nam hiện nay.

**3.2. Phạm vi nghiên cứu**

Từ năm 1986 đến nay trong vấn đề lý luận và giải pháp quản lý môi trường đến sự phát triển bền vững ở việt nam hiện nay.

**4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu**

**4.1. Cơ sở lý luận**

Chủ nghĩa Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm chính sách của Đảng và Nhà nước về pháp luật

**4.2. Phương pháp nghiên cứu**

Sử dụng phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử, kết hợp với phương pháp ăng-két, phân tích, tổng hợp, so sánh để giải quyết một số nhiệm vụ của đề tài.

**5. Kết cấu của đề tài**

Đề tài gồm phần mở đầu, phần kết luận và tài liệu tham khảo và hai chương:

Chương 1: lý luận chung về quản lý môi trường và phát triển bền vững

Chương 2: giải pháp thực hiện quản lý môi trường ở việt nam hiện nay

**NỘI DUNG**

**Chương 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG**

**1.1. Khái niệm về quản lý môi trường**

"Quản lý môi trường là tổng hợp các biện pháp, luật pháp, chính sách kinh tế, kỹ thuật, xã hội thích hợp nhằm bảo vệ chất lượng môi trường sống và phát triển bền vững kinh tế xã hội quốc gia".

Các mục tiêu chủ yếu của quản lý nhà nước về môi trường bao gồm:

Khắc phục và phòng chống suy thoái, ô nhiễm môi trường phát sinh trong hoạt động sống của con người.

Phát triển bền vững kinh tế và xã hội quốc gia theo 9 nguyên tắc của một xã hội bền vững do hội nghị Rio-92 đề xuất. Các khía cạnh của phát triển bền vững bao gồm: Phát triển bền vững kinh tế, bảo vệ các nguồn tài nguyên thiên nhiên, không tạo ra ô nhiễm và suy thoái chất luợng môi trường sống, nâng cao sự văn minh và công bằng xã hội.

Xây dựng các công cụ có hiệu lực quản lý môi trường quốc gia và các vùng lãnh thổ. Các công cụ trên phải thích hợp cho từng ngành, từng địa phương và cộng đồng dân cư.

Quản lý môi trường được thực hiện bằng tổng hợp các biện pháp: luật pháp, chính sách, kinh tế, kỹ thuật, công nghệ, xã hội, văn hóa, giáo dục... Các biện pháp này có thể đan xen, phối hợp, tích hợp với nhau tùy theo điều kiện cụ thể của vấn đề đặt ra. Việc quản lý môi trường được thực hiện ở mọi quy mô: toàn cầu, khu vực, quốc gia, tỉnh, huyện, cơ sở sản xuất, hộ gia đình,...Một cộng đồng muốn được sống bền vững, thì trước hết phải quan tâm bảo vệ cuộc sống của chính mình và không làm ảnh hưởng đến môi trường của cộng đồng khác. Để quản lý môi trường có hiệu quả cần phải nâng cao nhận thức của người dân được xem là giải pháp cho những vấn đề của cộng đồng.

**1.2. Phát triển bền vững**

*1.2.1. Khái niệm phát triển bền vững*

Năm 1980, trong bản “Chiến lược bảo tồn thế giới” do Liên minh Quốc tế Bảo tồn Thiên nhiên và Tài nguyên Thiên nhiên (IUCN-International Union for Conservation of Nature and Natural Resources) đã đưa ra mục tiêu của phát triển bền vững là “đạt được sự phát triển bền vững bằng cách bảo vệ các tài nguyên sinh vật” và thuật ngữ phát triển bền vững ở đây được đề cập tới với một nội dung hẹp, nhấn mạnh tính bền vững của sự phát triển về mặt sinh thái, nhằm kêu gọi việc bảo tồn các tài nguyên sinh vật.

Năm 1987, trong Báo cáo “Tương lai chung của chúng ta”, Ủy ban Thế giới về Môi trường và Phát triển (WCED-World Commission on Environment and Development) của Liên hợp quốc, "phát triển bền vững" được định nghĩa là “Sự phát triển đáp ứng được nhu cầu của hiện tại mà không làm tổn thương khả năng cho việc đáp ứng nhu cầu của các thế hệ tương lai”.

Quan niệm này chủ yếu nhấn mạnh khía cạnh sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên và bảo đảm môi trường sống cho con người trong quá trình phát triển. Phát triển bền vững là một mô hình chuyển đổi mà nó tối ưu các lợi ích kinh tế và xã hội trong hiện tại nhưng không hề gây hại cho tiềm năng của những lợi ích tương tự trong tương lai.

Nội hàm về phát triển bền vững được tái khẳng định ở Hội nghị Thượng đỉnh Trái đất về Môi trường và phát triển tổ chức ở Rio de Janeiro (Brazil) năm 1992 và được bổ sung, hoàn chỉnh tại Hội nghị Thượng đỉnh thế giới về Phát triển bền vững tổ chức ở Johannesburg (Cộng hoà Nam Phi) năm 2002: "Phát triển bền vững" là quá trình phát triển có sự kết hợp chặt chẽ, hợp lý và hài hòa giữa 3 mặt của sự phát triển, gồm: phát triển kinh tế (nhất là tăng trưởng kinh tế), phát triển xã hội (nhất là thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội; xoá đói giảm nghèo và giải quyết việc làm) và bảo vệ môi trường (nhất là xử lý, khắc phục ô nhiễm, phục hồi và cải thiện chất lượng môi trường; phòng chống cháy và chặt phá rừng; khai thác hợp lý và sử dụng tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên).

Quan niệm về phát triển bền vững dần được hình thành từ thực tiễn đời sống xã hội và có tính tất yếu. Tư duy về phát triển bền vững bắt đầu từ việc nhìn nhận tầm quan trọng của bảo vệ môi trường và tiếp đó là nhận ra sự cần thiết phải giải quyết những bất ổn trong xã hội. Năm 1992, Hội nghị thượng đỉnh về Môi trường và Phát triển của Liên hợp quốc được tổ chức ở Rio de Janeiro đề ra Chương trình nghị sự toàn cầu cho thế kỷ XXI, theo đó, phát triển bền vững được xác định là: “Một sự phát triển thỏa mãn những nhu cầu của thế hệ hiện tại mà không làm hại đến khả năng đáp ứng những nhu cầu của thế hệ tương lai”.

Về nguyên tắc, phát triển bền vững là quá trình vận hành đồng thời ba bình diện phát triển: kinh tế tăng trưởng bền vững, xã hội thịnh vượng, công bằng, ổn định, văn hoá đa dạng và môi trường được trong lành, tài nguyên được duy trì bền vững. Do vậy, hệ thống hoàn chỉnh các nguyên tắc đạo đức cho phát triển bền vững bao gồm các nguyên tắc phát triển bền vững trong cả “ba thế chân kiềng” kinh tế, xã hội, môi trường.

*1.2.2. Các mô hình phát triển bền vững*

Theo Jacobs và Sadler năm 1990

Phát triển bền vững là kết quả của sự tương tác qua lại và phụ thuộc lẫn nhau của 3 hệ thống chủ yếu của thế giới: Hệ thống tự nhiên (bao gồm các hệ sinh thái tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên, các thành phần Môi trường của trái đất); hệ thống kinh tế (hệ sản xuất và phân phối sản phẩm); hệ thống xã hội (quan hệ của những con người trong xã hội)

Mô hình của hoạt động môi trường và phát triển bền vững thế giới, người tatập trung trình bày quan điểm về phát triển bền vững trong các lĩnh vực sau: Mô hình của Ngân hàng thế giới hiểu Phát triển bền vững là sự phát triển kinh tế xã hội để đồng thời đạt được các mục tiêu kinh tế, mục tiêu xã hội, mục tiêu môi trường.

Mô hình Phát triển bền vững của Villen 1990. Gồm các nội dung cụ thể để duy trì sự cân bằng của mối quan hệ kinh tế - sinh thái - xã hội đang dùy trì phát triển kinh tế xã hội ở các quốc gia.

Như vậy, về cơ bản, nói đến phát triển bền vững không đơn thuần chỉ là nói về riêng việc bảo vệ môi trường mà còn bao hàm cả phương diện xã hội và kinh tế. Ba mô hình trên đã minh họa rõ nết điều này. Đó là 3 mặt của một vấn đề, là 3 trụ của một ngôi nhà, là ba hình “oval” lồng ghép chặt chẽ với nhau và là 3 vấn đề có sự đan xen lẫn nhau.

*1.1.3. Các nguyên tắc xây dựng xã hội phát triển bền vững*

Phát triển bền vững ở mỗi quốc gia và trên quy mô toàn cầu có thể trở thành hiện thực thông qua việc xây dựng xã hội phát triển bền vững. Đây là một xã hội biết kết hợp hài hoà việc phát triển kinh tế - xã hội với việc bảo vệ môi trường. Để xây dựng một xã hội phát triển bền vững, sách “Cứu lấy Trái Đất” đã nêu 9 nguyên tắc cơ bản sau đây:

Thứ nhất, tôn trọng và quan tâm đến cuộc sống cộng đồng: Đây là nguyên tắc vô cùng quan trọng, nói nên trách nhiệm phải quan tâm đến mọi người xung quanh và các hình thái khác nhau của cuộc sống, điều đó có nghĩa là sự phát triển của nước này không làm phương hại đến quyền lợi của những nước khác, cũng như sự phát triển của thế hệ hiện nay không gây tổn hại tới thế hệ mai sau.

Thứ hai, nâng cao chất lượng cuộc sống của con người: Mục đích cơ bản của sự phát triển là cải thiện chất lượng cuộc sống của con người. Mỗi dân tộc có những mục tiêu khác nhau trong sự phát triển, nhưng lại có một số điểm thống nhất. Đó là mục tiêu xây dựng cuộc sống lành mạnh, có một nền giá dục tốt, có đủ tài nguyên để đảm bao cuộc sống không những cho riêng mình mà cho cả thế hê mai sau, có quyền tự do bình đẳng, được đảm bảo an toàn và không bạo lực, mỗi thành viên trong xã hội đều mong có cuộc sống ngày càng tốt hơn

Thứ ba, bảo vệ sức sống và tính đa dạng sinh học của Trái Đất: Phát triển trên cơ sở bảo vệ đòi hỏi phải song hành với những hành động thích hợp, thận trọng để bảo tồn chức năng và tính đa dạng của các hệ sinh thái trên Trái Đất được tập hợp thành sinh quyển và các hệ thống nuôi dưỡng sự sóng con người Chính hệ thống này có vai trò cực kỳ quan trọng trong việc điều chỉnh khí hậu, cân bằng nước và làm cho không khí trong lành, điều hoa dòng chảy, chu chuyển các yếu tố cơ bản, cấu tạo, tái tạo đất màu và phục hồi các hệ sinh thái. Bảo vệ tính đa dạng sinh học có nghĩa là bảo vệ tất cả các loại động vật, thực vật, vi sinh vật trên hành tinh của chúng ta và toàn bộ vốn gen di truyền có trong mỗi loài.

Thứ tư, hạn chế đến mức thấp nhất việc làm suy giảm các nguồn tài nguyên không tái tạo: Tài nguyên không tái tạo như quặng, dầu, khí đốt, than đá... trong quá trình sử dụng sẽ bị biến đổi không thể bền vững được. Theo dự báo một số khoáng sản chủ yếu trên Trái đất với tốc độ khai thác và sử dụng hiện nay sẽ bị cạn kiệt trong tương lai gần, ví dụ khí đốt khoảng 30 năm, dầu mỏ khoảng 50 năm, than đá khoảng 150-200 năm... Trong khi loài người chưa tìm được các loại thay thế, cần phải sử dụng tài nguyên không tái tạo một cách hợp lý và tiết kiệm bằng nhiều cách như quay vòng, tái chế chất thải, sử dụng tối đa các thành phần có ích chứa trong từng loại tài nguyên, dùng tài nguyên tái tạo khác có thể được để thay thế chúng...

Thứ năm, giữ vững trong khả năng chịu đựng được của Trái đất: Như đã biết, mức độ chịu đựng của Trái đất nói chung hay của một hê sinh thái nào đó, dù là tự nhiên hay nhân tạo, đều có giới hạn. Con người có thể mở rộng giới hạn đó bằng kỹ thuật truyền thống hay áp dụng công nghệ mới để thoả mãn nhu cầu của mình. Nhưng nếu không dựa trên quy luật phát triển nội tại của tự nhiên thì thường phải trả giá rất đắt bằng sự suy thoái, nghèo kiệt đa dạng sinh học hoặc suy giảm chức năng cung cấp tài nguyên của thiên nhiên. Sự bền vững sẽ không có được nếu dân số thế giới ngày càng tăng. Do dân số tăng, nhu cầu sử dụng các nguồn tài nguyên ngày càng lớn vượt quá khả năng chịu đựng của Trái đất. Muốn tìm giải pháp đúng đắn để quản lý, sử dụng bền vững các tài nguyên, chúng ta phải tạo ra một dải an toàn giữa toàn bộ các tác động của con người với ranh giới ước lượng môi trường Trái đất có thể chịu đựng được.

Thứ sáu, thay đổi thái độ và hành vi của con người: Trước đây ngay cả hiện tại, nhiều người trong chúng ta không biết cách sống bền vững. Sự nghèo khổ buộc con người phải tìm mọi cách để tồn tại như: phá rừng làm nương rẫy, săn bắn chim thú... Những hoạt động đó xảy ra liên tục đã gây ra tác động xấu đến môi trường sinh thái làm nghèo kiệt quỹ đất, suy giảm nguồn tài nguyên. Nạn đói, nghèo khổ thường xuyên xảy ra với các nước có thu nhập thấp. Còn với các nước có thu nhập cao thì nhu cầu sử dụng tài nguyên ngày càng cao, ở đó họ dùng một cách lãng phí quá mức chịu đựng của thiên nhiên, nên đã làm ảnh hưởng lớn đến cộng đồng. Vì vậy, con người nhất thiết phải thay đổi thái độ và hành vi của mình, không những để cho các cộng đồng biết sử dụng bền vững nguồn tài nguyên mà còn để thay đổi các chính sách hỗ trợ về kinh tế và buôn bán trên thế giới.

Thứ bảy, để cho các cộng đồng tư quản lý môi trường của mình: Môi trường là ngôi nhà chung không phải của riêng cá nhân, cộng đồng nào. Vì vậy việc cứu lấy Trái đất và xây dựng một cuộc sống bền vững phụ thuộc vào niềm tin và sự đóng góp của mỗi cá nhân. Khi nào nhân dân biết tự mình tổ chức cuộc sống bền vững trong cộng đồng của mình, họ sẽ có một sức sống manh mẽ cho dù cộng đồng của họ giàu hay nghèo, thành thị hay nông thôn. Một cộng đồng muốn được sống bền vững, thì trước hết phải quan tâm bảo vệ cuộc sống của chính mình và không làm ảnh hưởng đến môi trường của cộng đồng khác. Họ cần biết cách sử dụng tài nguyên của mình một cách tiết kiệm, bền vững và có ý thức về việc thải các chất thải độc hại và xử lý một cách an toàn. Họ phải tìm cách bao vệ hệ thống nuôi dưỡng sự sống và tính đa dạng của hệ sinh thái ở địa phương.

Thứ tám, xây dựng một khuôn mẫu quốc gia thống nhất, thuận lợi cho sự phát triển và bảo vệ: Một xã hội muốn phát triển bền vững phải biết kết hợp hài hoà giữa phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường, phải xây dựng được một sự đồng tâm nhất trí và đạo đức cuộc sống bền vững trong các cộng đồng. Các chính quyền Trung ương cũng như địa phương phải có cơ cấu thống nhất về quản lý môi trường, bảo vệ các dạng tài nguyên. Bên cạnh hệ thống quyền lực cũng cần phải có luật về bảo vệ môi trường một cách toàn diện. Vì luật là công cụ quan trọng để đảm bảo thực hiện những chính sách, đảm bảo một cuộc sống bền vững, bảo vệ và khuyến khích mọi người tuân theo pháp luật

Cuối cùng, xây dựng một khối liên minh toàn câu trong việc bảo vệ môi trường: Như đã nêu ở trên, muốn bảo vệ môi trường bền vững chúng ta không thể làm riêng lẻ được, mà phải có một sự liên minh giữa các nước. Bầu khí quyển và các đạ dương tác động qua lại lẫn nhau tạo ra khí hậu trên Trái đất. Nhiều con sông lớn là chung của nhiều quốc gia. Vì vậy, bảo vệ sự trong sạch của dòng sông, của biển, của bầu khí quyển là trách nhiệm của nhiều nước. Sự bền vững trong mỗi nước luôn luôn phụ thuộc vào các hiệp ước quốc tế để quản lý các nguồn tài nguyên chủ yếu. Các quốc gia cần tích cực tham gia ký kết và thực hiện các công ước đa dạng sinh học, công ước bảo vệ tầng OZON, công ước RAMSA, công ước luật biển...

**1.3. Quản lý môi trường để phát triển bền vững**

*1.3.1. Mục tiêu của quản lý môi trường*

Mục tiêu của quản lý môi trường là phát triển bền vững, nhằm đảm bảo giữ cân bằng giữa phát triển kinh tế xã hội và bảo vệ môi trường. Hay nói cách khác, phát triển kinh tế xã hội tạo ra các tiềm lực kinh tế để bảo vệ môi trường, còn bảo vệ môi trường tạo ra các tiềm năng tự nhiên và xã hội mới cho công cuộc phát triển kinh tế xã hội trong tương lai. Tuỳ thuộc vào điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội, hệ thống pháp lý, mục tiêu phát triển ưu tiên của từng địa phương mà mục tiêu quản lý môi trường thay đổi theo thời gian và có những ưu tiên riêng.

Mục tiêu cơ bản của bảo vệ môi trường ở nước ta trong giai đoạn công nghiệp hoá, hiện đại hoá hiện nay là: “Ngăn ngừa ô nhiễm môi trường, phục hồi và cải thiện môi trường ở những nơi, những vùng đã bị suy thoái, từng bước nâng cao chất lượng môi trường ở các khu công nghiệp, đô thị và nông thôn, góp phần phát triển kinh tế xã hội bền vững, nâng cao chất lượng đời sống của nhân dân, tiến hành thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước”.v.v. Theo chỉ thị 36 CT/ TW của Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, một số mục tiêu cụ thể của quản lý môi trường Việt Nam hiện nay là:

Thứ nhất, khắc phục và phòng chống suy thoái, ô nhiễm môi trường trong các hoạt động sống của con người. Trong giai đoạn hiện nay, các biện pháp khắc phục và phòng chống ô nhiễm chủ yếu là:

Thực hiện nghiêm chỉnh quy định của Luật Bảo vệ môi trường về báo cáo đánh giá tác động môi trường trong việc xét duyệt cấp phép các quy hoạch, các dự án đầu tư. Nếu báo cáo đánh giá tác động môi trường không được chấp nhận thì không cho phép thực hiện các quy hoạch, không triển khai các dự án này.

Đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh đang hoạt động, căn cứ vào kết quả của đánh giá tác động môi trường để tổ chức phân loại các cơ sở gây ô nhiễm và có biện pháp xử lý thích hợp.

Trong hoạt động sản xuất kinh doanh cần ưu tiên áp dụng các công nghệ sạch, công nghệ ít phế thải, tiêu hao ít nguyên liệu bằng cách trang bị, đầu tư các thiết bị công nghệ mới, công nghệ tiên tiến, cải tiến và sản xuất các thiết bị tiêu hao ít năng lượng và nguyên vật liệu hơn.

Các khu đô thị, các khu công nghiệp cần phải sớm có và thực hiện tốt phương án xử lý chất thải, ưu tiên xử lý chất thải độc hại, chất thải bệnh viện.

Thực hiện các kế hoạch quốc gia ứng cứu sự cố tràn dầu trên biển, kế hoạch khắc phục hậu quả chất độc hoá học dùng trong chiến tranh, quản lý các chất thải nguy hại và hoá chất độc hại.

Thứ hai, Hoàn chỉnh hệ thống văn bản pháp luật bảo vệ môi trường, ban hành các chính sách về phát triển kinh tế xã hội phải gắn liền với bảo vệ môi trường, nghiêm chỉnh thi hành luật Bảo vệ môi trường. Để thực hiện được mục tiêu này cần quan tâm thực hiện các biện pháp sau:

Rà soát và ban hành các văn bản dưới luật, các quy định về luật pháp khác nhằm nâng cao hiệu lực của luật Bảo vệ môi trường.

Ban hành các chính sách về thuế, tín dụng nhằm khuyến khích việc áp dụng công nghệ sạch.

Thể chế hoá việc chi phí bảo vệ môi trường: thuế môi trường, thuế tài nguyên, quỹ môi trường.v.v.

Thể chế hoá việc phối hợp giải quyết các vấn đề phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường: trong các kế hoạch phát triển kinh tế xã hội phải có các chỉ tiêu bảo vệ môi trường. Tính toán hiệu quả kinh tế, so sánh các phương án phải tính toán cả chi phí bảo vệ môi trường.

Tăng cường quản lý nhà nước về môi trường từ trung ương đến địa phương, công tác nghiên cứu, đào tạo cán bộ về môi trường.

Nâng cấp cơ quan quản lý nhà nước về môi trường đủ sức thực hiện tốt các nhiệm vụ chung của đất nước.

Xây dựng mạng lưới quan trắc môi trường quốc gia, vùng lãnh thổ và gắn chúng với hệ thống quan trắc môi trường toàn cầu và khu vực. Hệ thống này có chức năng phản ánh trung thực chất lượng môi trường quốc gia và các vùng lãnh thổ.

Xây dựng hệ thống thông tin tư liệu môi trường quốc gia, quy chế trao đổi và thu thập thông tin môi trường quốc gia và quốc tế.

Hình thành hệ thống cơ sở nghiên cứu và đào tạo cán bộ chuyên gia về khoa học và công nghệ môi trường đồng bộ, đáp ứng công tác bảo vệ môi trường quốc gia và của mỗi ngành.

Kế hoạch hoá công tác bảo vệ môi trường từ trung ương đến địa phương, các cán bộ, các ngành.

Thứ ba, Phát triển đất nước theo các nguyên tắc phát triển bền vững được thông qua tại Hội nghị Môi trường do Liên Hợp Quốc tổ chức vào năm 1992 tại Rio – de Zaneiro (Brazin). Các nguyên tắc đó có thể được tóm lược như sau:

Tôn trọng và quan tâm đến cuộc sống cộng đồng

Cải thiện và nâng cao chất lượng cuộc sống con người

Bảo vệ sự sống và tính đa dạng sinh học của Trái Đất

Giữ vững trong khả năng chịu đựng của Trái Đất

Thay đổi thái độ, hành vi và xây dựng đạo đức mới vì sự phát triển bền vững

Tạo điều kiện cho các cộng đồng tự bảo vệ lấy môi trường địa phương của mình

Tạo ra một cơ cấu quốc gia thống nhất thuận lợi cho việc phát triển bền vững

Xây dựng một xã hội bền vững

Xây dựng mối liên minh toàn thế giới về bảo vệ và phát triển

Thứ tư, xây dựng các công cụ hữu hiệu về quản lý môi trường quốc gia, các vùng lãnh thổ riêng biệt như:

Xây dựng các công cụ quản lý thích hợp cho từng ngành, từng địa phương tuỳ thuộc vào trình độ phát triển.

Hình thành và thực hiện đồng bộ các công cụ quản lý môi trường.

*1.3.2. Sự vận động qua lại giữa môi trường và con người*

Những tác động của môi trường đến con người như:

Môi trường tự nhiên cung cấp nguyên liệu và không gian cho sản xuất xã hội. Con người sống trên Trái đất cần có không khí để hít thở, nước và thực phẩm để nuôi dưỡng cơ thể, đất đai để xây dựng nhà của, trồng cây, chăn nuôi và tiến hành các hoạt động sản xuất…Bên cạnh những lợi ích trên thì môi trường cũng mang lại nhiều bất lợi có thể kể đến như môi trường tự nhiên cũng là nơi gây ra nhiều thảm họa cho con người (thiên tai), và các thảm họa này sẽ tăng lên nếu con người gia tăng các hoạt động mang tính tàn phá môi trường, gây mất cân bằng tự nhiên.

Những tác động của con người đến môi trường như:

Con người là một sinh vật của hệ sinh thái có số lượng lớn và khả năng hoạt động được nâng cao nhờ khoa học kỹ thuật. Tác động của con người đối với hệ sinh thái rất lớn, có thể phân ra các loại tác động chính sau đây:

Tác động vào cơ chế tự ổn định, tự cân bằng của hệ sinh thái.

Tác động vào các chu trình sinh địa hoá tự nhiên.

Tác động vào các điều kiện môi trường của hệ sinh thái: Khí hậu, thuỷ điện v.v...

Tác động vào cân bằng sinh thái: Săn bắn quá mức, đánh bắt quá mức gây ra sự suy giảm một số loài và làm gia tăng mất cân bằng sinh thái. Săn bắt các loài động vật quý hiếm như hổ, tê giác, voi... có thể dẫn đến sự tuyệt chủng nhiều loại động vật quý hiếm. Chặt phá rừng tự nhiên lấy gỗ, làm mất nơi cư trú của động thực vật. Lai tạo các loài sinh vật mới làm thay đổi cân bằng sinh thái tự nhiên. Các loài lai tạo thường kém tính chống bụi, dễ bị suy thoái. Mặt khác, các loài lai tạo có thể tạo ra nhu cầu thức ăn hoặc tác động khác có hại đến các loài đã có hoặc đối với con người. Ðưa vào các hệ sinh thái tự nhiên các hợp chất nhân tạo mà sinh vật không có khả năng phân huỷ như các loại chất tổng hợp, dầu mỡ, thuốc trừ sâu, kim loại độc hại

Tuy nhiên, con người cũng rất tích cực Con người cải tạo môi trường tự nhiên thông qua việc cải tạo đất,nguồn nước, trồng cây xanh, trồng rừng, bảo vệ các loài động thực vật quí hiếm. Tuy nhiên phần lớn hoạt động của con người điều mang lại tác động tiêu cực cho môi trường tự nhiên.

**1.4. Vai trò của quản lý môi trường đối với sự phát triển bền vững**

Môi trường tự nhiên và sản xuất xã hội quan hệ khăng khít, chặt chẽ, tác động lẫn nhau trong thế cân đối thống nhất: Môi trường tự nhiên (bao gồm cả tài nguyên thiên nhiên) cung cấp nguyên liệu và không gian cho sản xuất xã hội. Sự giàu nghèo của mỗi nước phụ thuộc khá nhiều vào nguồn tài nguyên: Rất nhiều quốc gia phát triển chỉ trên cơ sở khai thác tài nguyên để xuất khẩu đổi lấy ngoại tệ, thiết bị công nghệ hiện đại... Có thể nói, tài nguyên nói riêng và môi trường tự nhiên nói chung (trong đó có cả tài nguyên) có vai trò quyết định đối với sự phát triển bền vững về kinh tế - xã hội ở mỗi quốc gia, vùng lãnh thổ, địa phương vì:

Thứ nhất, môi trường không những chỉ cung cấp “đầu vào” mà còn chứa đựng “đầu ra” cho các quá trình sản xuất và đời sống.

Hoạt động sản xuất là một quá trình bắt đầu từ việc sử dụng nguyên, nhiên liệu, vật tư, thiết bị máy móc, đất đai, cơ sở vật chất kỹ thuật khác, sức lao động của con người để tạo ra sản phẩm hàng hóa. Những dạng vật chất trên không phải gì khác, mà chính là các yếu tố môi trường.

Các hoạt động sống cũng vậy, con người ta cũng cần có không khí để thở, cần có nhà để ở, cần có phương tiện để đi lại, cần có chỗ vui chơi giải trí, học tập nâng cao hiểu biết... Những cái đó không gì khác là các yếu tố môi trường. Như vậy chính các yếu tố môi trường (yếu tố vật chất kể trên - kể cả sức lao động) là “đầu vào” của quá trình sản xuất và các hoạt động sống của con người. Hay nói cách khác: Môi trường là “đầu vào” của sản xuất và đời sống. Tuy nhiên, cũng phải nói rằng môi trường tự nhiên cũng có thể là nơi gây ra nhiều thảm họa cho con người (thiên tai), và các thảm họa này sẽ tăng lên nếu con người gia tăng các hoạt động mang tính tàn phá môi trường, gây mất cân bằng tự nhiên.

Ngược lại môi trường tự nhiên cũng lại là nơi chứa đựng, đồng hóa “đầu ra” các chất thải của các quá trình hoạt động sản xuất và đời sống. Quá trình sản xuất thải ra môi trường rất nhiều chất thải (cả khí thải, nước thải, chất thải rắn). Trong các chất thải này có thể có rất nhiều loại độc hại làm ô nhiễm, suy thoái, hoặc gây ra các sự cố về môi trường. Quá trình sinh hoạt, tiêu dùng của xã hội loài người cũng thải ra môi trường rất nhiều chất thải. Những chất thải này nếu không được xử lý tốt cũng sẽ gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng. Vấn đề ở đây là phải làm thế nào để hạn chế được nhiều nhất các chất thải, đặc biệt là chất thải gây ô nhiễm, tác động tiêu cực đối với môi trường.

Thứ hai, môi trường liên quan đến tính ổn định và bền vững của sự phát triển kinh tế - xã hội.

Phát triển kinh tế - xã hội là quá trình nâng cao điều kiện sống về vật chất và tinh thần của con người qua việc sản xuất ra của cải vật chất, cải tiến quan hệ xã hội, nâng cao chất lượng văn hóa. Phát triển là xu thế chung của từng cá nhân cũng như của cả loài người trong quá trình sống. Giữa môi trường và sự phát triển có mối quan hệ chặt chẽ: Môi trường là địa bàn và đối tượng của sự phát triển, còn phát triển là nguyên nhân tạo nên các biến đổi của môi trường. Trong hệ thống kinh tế - xã hội, hàng hóa được di chuyển từ sản xuất đến lưu thông, phân phối và tiêu dùng cùng với dòng luân chuyển của nguyên liệu, năng lượng, sản phẩm, chất thải. Các thành phần đó luôn luôn tương tác với các thành phần tự nhiên và xã hội của hệ thống môi trường đang tồn tại trong địa bàn đó.

Tác động của con người đến môi trường thể hiện ở khía cạnh có lợi là cải tạo môi trường tự nhiên hoặc tạo ra kinh phí cần thiết cho quá trình cải tạo đó, nhưng có thể gây ra ô nhiễm môi trường tự nhiên hoặc nhân tạo. Mặt khác, môi trường tự nhiên đồng thời cũng tác động đến sự phát triển kinh tế - xã hội thông qua việc làm suy thoái nguồn tài nguyên - đối tượng của sự phát triển kinh tế - xã hội hoặc gây ra các thảm họa, thiên tai đối với các hoạt động kinh tế - xã hội trong khu vực. Ở các quốc gia có trình độ phát triển kinh tế khác nhau có các xu hướng gây ô nhiễm môi truờng khác nhau. Ví dụ:

Ô nhiễm do dư thừa: 20% dân số thế giới ở các nước giàu hiện sử dụng 80%tài nguyên và năng lương của loài người. Sản xuất công nghiệp phát triển mạnh, hoạt động của quá nhiều các phương tiện giao thông vận tải đã tạo ra một lượng lớn chất thải độc hại vào môi trường (đặc biệt là khí thải). Hiện nay việc có được mua bán hay không quyền phát thải khí thải giữa các nước đang là đề tài tranh luận chưa ngã ngũ trong các hội nghị thượng đỉnh về môi trường, các nước giàu vẫn chưa thực sự tự giác chia sẻ tài lực với các nước nghèo để giải quyết những vấn đề có liên quan tới môi trường.

Ô nhiễm do nghèo đói: Mặc dù chiếm tới 80% dân số thế giới, song chỉ sử dụng 20% tài nguyên và năng lượng của thế giới, nhưng những người nghèo khổ ở các nước nghèo chỉ có con đường duy nhất là khai thác tài nguyên thiên nhiên (rừng, khoáng sản, đất đai,...) mà không có khả năng hoàn phục. Diễn đàn ASEM về môi trường họp vào tháng 1/2002 tại Trung Quốc đã cho rằng nghèo đói là thách thức lớn nhất đối với công tác bảo vệ môi trường hiện nay. Do vậy, để giải quyết vấn đề môi trường, trước hết các nước giàu phải có trách nhiệm giúp đỡ các nước nghèo giải quyết nạn nghèo đói.

Như vậy, để phát triển, dù là giàu có hay nghèo đói đều tạo ra khả năng gây ô nhiễm môi trường. Vấn đề ở đây là phải giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa phát triển và bảo vệ môi trường. Để phát triển bền vững không được khai thác quá mức dẫn tới hủy hoại tài nguyên, môi trường; thực hiện các giải pháp sản xuất sạch, phát triển sản xuất đi đôi với các giải pháp xử lý môi trường; bảo tồn các nguồn gen động vật, thực vật; bảo tồn đa dạng sinh học; không ngừng nâng cao nhận thức của nhân dân về bảo vệ môi trường...

Thứ ba, môi trường có liên quan tới tương lai của đất nước, dân tộc.

Như trên đã nói, bảo vệ môi trường chính là để giúp cho sự phát triển kinh tế cũng như xã hội được bền vững. Kinh tế - xã hội phát triển giúp chúng ta có đủ điều kiện để đảm bảo an ninh quốc phòng, giữ vững độc lập chủ quyền của dân tộc. Điều đó lại tạo điều kiện ổn định chính trị xã hội để kinh tế - xã hội phát triển. Bảo vệ môi trường là việc làm không chỉ có ý nghĩa hiện tại, mà quan trọng hơn, cao cả hơn là nó có ý nghĩa cho tương lai. nếu một sự phát triển có mang lại những lợi ích kinh tế trước mắt mà khai thác cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên, hủy hoại môi trường, làm cho các thế hệ sau không còn điều kiện để phát triển mọi mặt (cả về kinh tế, xã hội, thể chất, trí tuệ con người...), thì sự phát triển đó phỏng có ích gì nếu hôm nay thế hệ chúng ta không quan tâm tới, không làm tốt công tác bảo vệ môi trường, làm cho môi trường bị hủy hoại thì trong tương lai, con cháu chúng ta chắc chắn sẽ phải gánh chịu những hậu quả tồi tệ.

**CHƯƠNG 2: GIẢI PHÁP THỰC HIỆN QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG Ở VIỆT NAM HIỆN NAY**

**2.1. Nội dung thực hiện quản lý môi trường ở Việt Nam**

Luật Bảo vệ môi trường nhằm nâng cao

Bộ Luật này được Quốc hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 25/11/2005 gồm: 15 chương với 135 điều.

Nội dung quản lý nhà nước về môi trường của Việt Nam được thể hiện trong Điều 37, Luật Bảo vệ Môi trường, gồm các điểm:

Ban hành và tổ chức việc thực hiện các văn bản pháp quy về bảo vệ môitrường, ban hành hệ thống tiêu chuẩn môi trường.

Xây dựng, chỉ đạo thực hiện chiến lược, chính sách bảo vệ môi trường, kếhoạch phòng chống, khắc phục suy thoái môi trường, ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường.

Xây dựng, quản lý các công trình bảo vệ môi trường, các công trình có liênquan đến bảo vệ môi trường.

Tổ chức, xây dựng, quản lý hệ thống quan trắc, định kỳ đánh giá hiện trạngmôi trường, dự báo diễn biến môi trường.

Thẩm định các báo cáo đánh giá tác động môi trường của các dự án và các cơsở sản xuất kinh doanh.

Cấp và thu hồi giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn môi trường.

Giám sát, thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường, giải quyết các khiếu nại, tố cáo, tranh chấp về bảo vệ môi trường, xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

Đào tạo cán bộ về khoa học và quản lý môi trường.

Tổ chức nghiên cứu, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong lĩnh vực bảo vệmôi trường.

Thiết lập quan hệ quốc tế trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

**2.2. Các hình thức thực hiện quản lý môi trường ở Việt Nam**

*2.2.1. Khái niệm hình thức quản lý môi trường*

Hình thức quản lý môi trường là phương sách quản lý môi trường nhằm đem lại những lợi ích to lớn cho con người, tạo điều kiện cho sự phát triển bền vững của mỗi quốc gia.

Theo Arnstein (1969), các hình thức quản lý khác nhau nằm trong hai hình thức cơ bản là quản lý hành chính nhà nước và quản lý cộng đồng. Ngoài ra đồng quản lý hay quản lý nguồn lợi dựa vào cộng đồng là hình thức quản lý trung gian giữa hai hình thức trên.

*2.2.2. Quản lý tư nhân*

Quản lý tư nhân là hình thức quản lý thấp nhất về quy mô. Trong đó, mỗi cá thể là một chủ thể được giao trách nhiệm quản lý chất lượng môi trường ở một khu vực trong một lĩnh vực nào đó. Ví dụ như: Quản lý đất, quản lý rừng, quản lý nguồn lợi thủy sản…

Nhà nước khẳng định quyền quản lý về rừng và đất rừng tập trung vào nhà nước, nhưng lại không đủ lực để thực hiện quyền này. Nhà nước giao cho chính quyền địa phương chi phối, nhưng quyền lực của địa phương thì có hạn.

Việc tối đa hoá hệ quản lý rừng nhà nước đã dẫn đến tình trạng tài nguyên rừng bị suy thoái. Như sự mất và suy thoái rừng nhiệt đới ở 75 nước đang phát triển (năm 1980 có 11,3 triệu ha rừng bị mất, năm 1990 mất tới 15,4 triệu ha); đặc biệt khu vực Đông Nam á có tỷ lệ mất rừng cao nhất là 1,6% năm (tỷ lệ chung của thế giới là 0,8%). Sự suy thoái rừng ở các nước đang phát triển đã phản ánh việc quản lý không có hiệu quả của hệ quản lý rừng nhà nước. Nguyên nhân là do chưa đủ lực, trang bị về kỹ thuật, thiếu kinh nghiệm, dân số tăng nhanh, thiếu điều kiện...

Nhưng nếu quá nhấn mạnh đến hình thức quản lý tư nhân lại dẫn đến những hậu quả xã hội khác. Như ở Philippin người ta chỉ coi trọng quản lý rừng tư nhân và đã gây nên hậu quả xã hội: phân hoá giàu nghèo mãnh liệt, Nhà nước mất quyền lợi, không kiểm soát được hoạt động sản xuất kinh doanh về rừng của tư nhân.

Trên cơ sở phân tích nhận thấy hình thức này có những ưu điểm cũng như hạn chế sau:

Ưu điểm:

Phù hợp với chính sách hiện hành nên dễ thực hiện.

Người nhận đất nhận rừng có chủ quyền trên mảnh đất của mình nên có điều kiện vay vốn ngân hàng để đầu tư, phát triển, chủ động kế thừa, chuyển nhượng.

Gắn được trách nhiệm với quyền lợi của người được nhận đất, nhận rừng.

Phát huy được sự năng động của nông hộ trong việc quản lý phát triển rừng.

Nhược điểm:

Phân chia đất rừng cụ thể về mặt pháp lý đến từng hộ có nguy cơ làm mấttruyền thống quản lý tài nguyên thiên nhiên dựa vào cộng đồng, dòng họ. Đây là tập quán truyền thống quý báu của người dân bản địa, họ thường coi tài sản từ thiên nhiên là của cả cộng đồng, mọi người đều có quyền hưởng.

Thời gian nhận đất nhận rừng khá dài từ 20 - 50 năm nên khi gia đình tách hộ sẽ có nguy cơ phát sinh mâu thuẫn, xé lẻ rừng vốn diện tích đã nhỏ bé.

Có khả năng phát sinh mâu thuẫn giữa các hộ trong phân chia lợi ích, phânchia các loại rừng giàu nghèo, vị trí xa gần khác nhau. Trong một buôn vẫn có hộ không được nhận đất nhận rừng.

Khó thúc đẩy các phương thức hợp tác trong quản lý, phát triển rừng.

Trình độ các hộ khác nhau nên việc nhận thức và thực hiện việc quản lý pháttriển rừng sẽ không đồng đều.

Dễ mất rừng do một số hộ quá khó khăn hoặc vì tham lợi trước mắt mà sang nhượng rừng trái phép cho những người sản xuất nông nghiệp.

*2.2.3. Quản lý cộng đồng*

Mặc dù cộng đồng không phải là một chủ thể kinh tế, nhưng đây là một loại hình tập thể rất phù hợp với phong tục tập quán của người dân. Công đồng cũng là một chủ thể sở hữu tư liệu sản xuất. Hình thức này cũng có mặt mạnh, mặt yếu của nó. Đối với đồng bào dân tộc Tây Nguyên, buôn làng có lịch sử phát triển và tồn tại khá bền vững. Họ đã từng gắn bó với nhau trong sản xuất, đời sống, chống chọi với thiên nhiên và các thế lực thù địch khác để tồn tại và phát triển.

Quản lý rừng cộng đồng không phải là hình thức quản lý mới ra đời, mà nó vốn là loại hình quản lý cổ truyền của người dân địa phương, cùng quản lý và cùng hưởng thụ. Hình thức này đã tạo nên các phương thức sử dụng tài nguyên lâu bền và gắn liền với vốn kiến thức bản địa về hệ sinh thái rừng của người dân địa phương. Quản lý rừng cộng đồng gắn liền với người dân địa phương miền núi. Kiểu quản lý này phổ biến và đã tồn tại trong một thời gian rất dài, khi mà tài nguyên rừng đang còn dồi dào và khi Nhà nước chưa đủ sức quản lý ở những vùng xa xôi.

Hiện nay, tại nhiều địa phương có những khu rừng cộng đồng cổ truyền hiện vẫn tồn tại và phát triển.

Trên thực tế, không phải bất cứ khu rừng nào Nhà nước cũng quản lý được (những khu rừng nhỏ, phân tán, ít giá trị) và quản lý tư nhân cũng không thể phủ hết những phần rừng còn lại. Hiện tại, trong tổng số khoảng 10 triệu ha đất có rừng của cả nước, đã giao được 6 triệu héc - ta cho tổ chức kinh tế (lâm trường, đơn vị kinh tế) và 2 triệu héc - ta cho nông hộ năm 1998, cùng với khoảng 1 triệu héc - ta rừng đặc dụng; số rừng/đất rừng còn lại khoảng 1 triệu héc - ta vẫn chưa có chủ quản lý.

*2.2.4. Quản lý dựa vào cộng đồng*

Về mặt lý luận, cộng đồng địa phương đóng vai trò rất quan trọng đối với quá trình thực hiện và giám sát quá trình thực hiện các quy định của quy ước. Tuy nhiên, theo truyền thống, họ coi công tác bảo vệ và phát triển môi trường là nhiệm vụ của các cơ quan chức năng đóng trên địa bàn. Đây cũng chính là lý do giải thích tại sao việc thực hiện các quy ước bảo vệ và phát triển môi trường tại cộng đồng còn chưa thực sự có hiệu quả. Điều này đòi hỏi phải có sự phối kết hợp nhịp nhàng giữa chính quyền các cấp, đoàn thể của địa phương để việc thực hiện các quy định của quy ước thực sự có hiệu quả.

Những bài học kinh nghiệm

Cách tiếp cận áp đặt “từ trên xuống” đã không tạo ra sự tham gia tích cực củacán bộ và người dân địa phương vào việc quản lý tài nguyên cùng với sự quản lý yếu kém, sự thụ động trong việc lập kế hoạch và sự phụ thuộc về tài chính của chính quyền địa phương vào chính quyền trung ương là những nguyên nhân chính hạn chế thành công của các chương trình, chính sách quản lý tài nguyên của chính phủ trong thời gian qua.

Chính quyền địa phương cấp cơ sở cần được trao nhiều quyền hơn và cầnđược đảm bảo các điều kiện cần thiết về các nguồn lực, khả năng tiếp cận thông tin và hành lang pháp lý thuận lợi để thực thi các quyền được trao.

Để sự tham gia thực sự có hiệu quả cần xác định sự hưởng lợi rõ ràng cho cácbên có liên quan trong quản lý tài nguyên, kể cả các cán bộ được trao quyền và người dân địa phương, có như vậy mới tạo ra động lực cho sự tham gia.

Người dân cần được thông tin đầy đủ về các chương trình dự án của chính phủđể họ có thể ra các quyết định đúng đắn và phù hợp về việc tham gia của họ vào các chương trình chính sách này.

Cần có cơ chế thích hợp cho việc kiểm tra, giám sát các hoạt động của các tổ chức và cá nhân được trao quyền trong quá trình thực thi các nhiệm vụ được giao, từ đó đưa ra những biện pháp thích hợp nâng cao trách nhiệm giải trình đối với cấp trên và cả đối với người dân địa phương của các cá nhân, tổ chức được trao quyền.

*2.2.3. Quản lý nhà nước*

Quản lý nhà nước là quản lý môi trường thông qua các công cụ luật pháp, chính sách về môi trường trên phương diện quốc tế và quốc gia. Luật quốc tế về môi trường là tổng thể các nguyên tắc, quy phạm quốc tế điều chỉnh mối quan hệ giữa các quốc gia, giữa quốc gia và các tổ chức quốc tế trong việc ngăn chặn, loại trừ thiệt hại gây ra cho môi trường của từng quốc gia và môi trường ngoài phạm vi tàn phá quốc gia.

Trong phạm vi quốc gia, vấn đề môi trường được đề cập trong nhiều bộ luật, trong đó Luật Bảo vệ Môi trường được quốc hội nước Việt Nam thông qua ngày 27/12/1993 là văn bản quan trọng nhất. Chính phủ đã ban hành Nghị định 175/CP ngày 18/10/1994 về hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ Môi trường và Nghị định 26/CP ngày 26/4/1996 về Xử phạt vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường. Bộ Luật hình sự, hàng loạt các thông tư, quy định, quyết định của các ngành chức năng về thực hiện luật môi trường đã được ban hành. Một số tiêu chuẩn môi trường chủ yếu được soạn thảo và thông qua. Nhiều khía cạnh bảo vệ môi trường được đề cập trong các văn bản khác như Luật Khoáng sản, Luật Dầu khí, Luật Hàng hải, Luật Lao động, Luật Đất đai, Luật Phát triển và Bảo vệ rừng, Luật Bảo vệ sức khoẻ của nhân dân, Pháp lệnh về đê điều, Pháp lệnh về việc bảo vệ nguồn lợi thuỷ sản, Pháp luật bảo vệ các công trình giao thông. Các văn bản trên cùng với các văn bản về luật quốc tế được nhà nước Việt Nam phê duyệt là cơ sở quan trọng để thực hiện quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường.

Qua tìm hiểu về hình thức quản lý Nhà nước, rút ra một số ưu và nhược điểm sau:

Ưu điểm:

Quản lý môi trường trên phạm vi vĩ mô.

Đánh giá được hiệu quả một cách tổng hợp.

Định hướng được mục tiêu, chương trình hành động.

Đảm bảo tính thống nhất giữa các tổ chức, cá nhân, giữa các ban ngành chứcnăng và giữa các địa phương.

Nhược điểm:

Việc quản lý nhà nước chủ yếu dựa trên công cụ luật pháp, các chế tài vì thếviệc thực hiện tỏ ra cứng nhắc, chưa đồng bộ và phù hợp với nhu cầu của cộng đồng và quốc gia.

Nhiều tổ chức, cá nhân khi vi phạm nhưng không nhận trách nhiệm. Tuy vậy, nhà nước vẫn chưa có biện pháp xử lý hiệu quả, để lại những hậu quả nặng nề cho môi trường.

Các hình thức xử lý vi phạm còn mang tính chiếu lệ, chưa đủ sức răn đe, ngănngừa.

Việc quản lý môi trường chưa thực sự mang lại hiệu quả đối với chất lượng cuộc sống của người dân do đó trong quá trình thực hiện gặp nhiều khó khăn, trở ngại như người dân tiếp tay, bảo vệ cho lâm tặc …

Nhận thức về bảo vệ môi trường và phát triển bền vững của nhiều cấp ủy, lãnh đạo các cấp, các ngành, doanh nghiệp và nhân dân chưa đầy đủ; ý thức bảo vệ môi trường nhìn chung còn thấp.

Việc hoàn thiện cơ chế, chính sách và hệ thống tổ chức quản lý nhà nước vềbảo vệ môi trường còn chậm, chưa đồng bộ. Đội ngũ cán bộ quản lý môi trường còn thiếu về số lượng, hạn chế về năng lực và trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Trình độ khoa học - công nghệ bảo vệ môi trường, xử lý, giải quyết ô nhiễm môi trường còn thấp.

Nguồn vốn đầu tư và chi thường xuyên cho bảo vệ môi trường chưa đáp ứng được yêu cầu.

Tình trạng vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường diễn ra khá phổ biến. Nhiều vi phạm có tổ chức, tinh vi, một số hành vi có dấu hiệu tội phạm.

**2.3. Giáo dục môi trường**

"Giáo dục môi trường là một quá trình thông qua các hoạt động giáo dục chính quy và không chính quy nhằm giúp con người có được sự hiểu biết, kỹ năng và giá trị tạo điều kiện cho họ tham gia vào phát triển một xã hội bền vững về sinh thái".

Mục đích của Giáo dục môi trường nhằm vận dụng những kiến thức và kỹ năng vào gìn giữ, bảo tồn, sử dụng môi trường theo cách thức bền vững cho cả thế hệ hiện tại và tương lai. Nó cũng bao hàm cả việc học tập cách sử dụng những công nghệ mới nhằm tăng sản lượng và tránh những thảm hoạ môi trường, xoá nghèo đói, tận dụng các cơ hội và đưa ra những quyết định khôn khéo trong sử dụng tài nguyên. Hơn nữa, nó bao hàm cả việc đạt được những kỹ năng, có những động lực và cam kết hành động, dù với tư cách cá nhân hay tập thể, để giải quyết những vấn đề môi trường hiện tại và phòng ngừa những vấn đề mới nảy sinh.

**2.4. Truyền thông môi trường**

"Truyền thông môi trường là một quá trình tương tác xã hội hai chiều nhằm giúp cho những người có liên quan hiểu được các yếu tố môi trường then chốt, mối quan hệ phụ thuộc lẫn nhau của chúng và cách tác động vào các vấn đề có liên quan một cách thích hợp để giải quyết các vấn đề về môi trường".

Truyền thông môi trường không nhằm quá nhiều vào việc phổ biến thông tin mà nhằm vào việc chia sẻ nhận thức về một phương thức sống bền vững và nhằm khả năng giải quyết các vấn đề môi trường cho các nhóm người trong cộng đồng xã hội. Mục tiêu của truyền thông môi trường nhằm:

Thông tin cho người bị tác động bởi các vấn đề môi trường biết tình trạng của họ, từ đó họ quan tâm đến việc tìm kiếm các giải pháp khắc phục.

Huy động các kinh nghiệm, kỹ năng, bí quyết địa phương tham gia vào các chương trình bảo vệ môi trường.

Thương lượng hoà giải các xung đột, khiếu nại, tranh chấp về môi trường giữa các cơ quan, trong nhân dân.

Tạo cơ hội cho mọi thành phần trong xã hội tham gia vào việc bảo vệ môi trường, xã hội hoá công tác bảo vệ môi trường.

Khả năng thay đổi các hành vi sẽ được hữu hiệu hơn thông qua đối thoại thường xuyên trong xã hội.

Truyền thông môi trường được thực hiện chủ yếu qua các phương thức sau:

Chuyển thông tin tới từng cá nhân qua việc tiếp xúc tại nhà, tại cơ quan, gọi điện thoại, gửi thư.

Chuyển thông tin tới từng nhóm qua hội thảo, tập huấn, huấn luyện, họp nhóm, tham quan, khảo sát...

Chuyển thông tin qua các phương tiện truyền thông đại chúng: báo chí, tivi, radio, pano, áp phích, tờ rơi, phim ảnh....

Tiếp cận truyền thông qua những buổi biểu diễn lưu động, tham gia hội diễn, các chiến dịch, tham gia các lễ hội, các ngày kỷ niệm...

**2.4. Giải pháp thực hiện quản lý môi trường ở việt nam hiện nay**

Tại Hội nghị trực tuyến toàn quốc về công tác bảo vệ môi trường ngày 24/8 do Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc chủ trì, Bộ trưởng Tài nguyên& Môi trường Trần Hồng Hà đã kiến nghị nhiều nhóm giải pháp lâu dài nhằm bảo vệ môi trường và phát triển bền vững đất nước. Các nhóm giải pháp lâu dài gồm:

Thứ nhất: Tiếp tục nghiên cứu bổ sung, hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường, đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất với hệ thống pháp luật nói chung, bám sát thực tế và theo kịp tiến trình phát triển và hội nhập quốc tế của đất nước, diễn biến nhanh và mức độ phức tạp của các vấn đề môi trường. Thể chế hóa kịp thời và tổ chức thực hiện nghiêm các quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về bảo vệ môi trường; chú trọng nâng cao nhận thức và đề cao trách nhiệm của các cấp, các ngành; tăng cường sự phối hợp, chặt chẽ, đồng bộ giữa các ngành, giữa Trung ương và địa phương. Có các giải pháp phát huy hiệu quả hoạt động của lực lượng cảnh sát môi trường.

Thứ hai, tăng cường năng lực của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường từ Trung ương đến địa phương đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ bảo vệ môi trường ngày càng lớn, phức tạp. Rà soát, phân định rõ chức năng, nhiệm vụ quản lý, sắp xếp tổ chức bộ máy, tăng cường năng lực quản lý của đội ngũ cán bộ quản lý môi trường các cấp, nhất là ở các địa phương, ưu tiên cấp huyện, xã, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ, xuyên suốt từ Trung ương đến cơ sở. Xây dựng cơ chế tham vấn, phối hợp trong công tác bổ nhiệm, đề bạt, đào tạo, bồi dưỡng lãnh đạo cơ quan chuyên môn về tài nguyên và môi trường ở địa phương.

Thứ ba, tăng cường và đa dạng hóa nguồn vốn đầu tư cho bảo vệ môi trường, nhất là đầu tư xử lý chất thải; xử lý ô nhiễm và phục hồi môi trường các khu vực đã bị ô nhiễm, suy thoái. Tăng chi ngân sách cho sự nghiệp bảo vệ môi trường, tập trung giải quyết vấn đề môi trường bức xúc, tồn đọng kéo dài. Tăng cường vai trò điều phối, phân bổ nguồn lực đầu tư, chi ngân sách cho hoạt động bảo vệ môi trường của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường. Các nguồn thu từ thuế, phí bảo vệ môi trường phải được đầu tư trở lại cho các hoạt động bảo vệ môi trường. Có cơ chế thực hiện ký quỹ bảo vệ môi trường trước khi dự án đi vào vận hành thử nghiệm đối với các dự án đầu tư lớn, có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; thu hút mạnh đầu tư tư nhân, đầu tư nước ngoài vào phát triển ngành công nghiệp, dịch vụ bảo vệ môi trường trên nguyên tắc “người gây ô nhiễm phải trả tiền”, “người hưởng lợi từ môi trường phải chi trả”. Cần xem xét, điều chỉnh cơ cấu đầu tư cho bảo vệ môi trường ngay trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 – 2020, tập trung ưu tiên cho các dự án tiết kiệm năng lượng, xử lý các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, các dự án theo hướng tăng trưởng xanh và phát triển bền vững.

Thứ tư, rà soát, chấn chỉnh, tăng cường chất lượng, hiệu lực, hiệu quả các công cụ, biện pháp quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường; sớm đưa các chế tài hình sự về môi trường vào áp dụng; hoàn thành kế hoạch xử lý triệt để cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trước năm 2020. Tổ chức đánh giá, xếp hạng công tác bảo vệ môi trường của các địa phương từ năm 2017.

Thứ năm, đẩy mạnh hợp tác quốc tế, phát triển khoa học công nghệ về bảo vệ môi trường. Tiếp tục quan tâm xây dựng các dự án ưu tiên về bảo vệ môi trường nhằm kêu gọi hỗ trợ từ nguồn vốn ODA. Nghiên cứu, kiến nghị cơ chế cử cán bộ đại diện ngoại giao về môi trường tại các nước nhằm tăng cường cơ hội học hỏi, trao đổi kinh nghiệm, hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường.

Thứ sáu, tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, tăng trưởng xanh, phát triển kinh tế xanh theo hướng đổi mới nội dung, đa dạng hóa hình thức tuyên truyền phù hợp với từng đối tượng, các vùng miền; đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động đào tạo, truyền thông về môi trường.

**KẾT LUẬN**

Muốn phát triển bền vững thì trong phát triển phải tính đến yếu tố môi trường. Với 3 vấn đề tác động đến môi trường để chúng ta lựa chọn, xem xét cả trên bình diện quốc tế, quốc gia, vùng lãnh thổ và từng địa phương. Suy cho cùng thì mỗi chúng ta cần phấn đấu cho một môi trường trong sạch, cho sự phát triển bền vững của cả chúng ta và các thế hệ mai sau. Quản lí môi trường là một lĩnh vực của khoa học môi trường, với mục tiêu là sự phát triển bền vững và làm cho môi trường sạch và xanh nhằm đảm bảo chất lượng cuộc sống của người dân, hạn chế tối đa các tác động có hại đối với môi trường do các hoạt động phát triển gây nên. Quản lý môi trường rất cần sự chung tay ủng hộ của các cơ quan đoàn thể và người dân, trong đó vai trò không thể thiếu của những nhà khoa học nhằm đưa ra những giải pháp đúng đắn và tối ưu nhất. Tiếp tục đẩy mạnh hơn nữa công tác tuyên truyền nâng cao ý thức giữ gìn bảo vệ môi trường đến tất cả các đối tượng trong xã hội. Tăng cường nghiên cứu, áp dụng các thành tựu của khoa học kĩ thuật vào quản lí môi trường để nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng, nguyên vật liệu cho các quá trình sản xuất và hạn chế tối đa các tác động có hại đối với môi trường của các quá trình này. Cần tập trung giải quyết các vấn đề bức xúc nhằm ngăn chặn việc gia tăng ô nhiễm môi trường, suy giảm đa dạng sinh học và tài nguyên thiên nhiên, đảm bảo an ninh môi trường. Chỉ có như vậy thì quản lý môi trường mới đạt hiệu quả và phát triển bền vững tại Việt Nam hiện nay.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

[1.Lê Văn Khoa- Đoàn Danh Tiến - Nguyễn Song Tùng- Nguyễn Quốc Việt, 2009,Môi trường và phát triển bền vững, NXB GD.](1.%09Lê%20Văn%20Khoa-%20Đoàn%20Danh%20Tiến%20-%20Nguyễn%20Song%20Tùng-%20Nguyễn%20Quốc%20Việt,%202009,Môi%20trường%20và%20phát%20triển%20bền%20vững,%20NXB%20GD.)

[2.Lê Văn Thăng, 2008, Giáo trình khoa học môi trường đại cương, NXN Đại học Huế.](2.%09Lê%20Văn%20Thăng,%202008,%20Giáo%20trình%20khoa%20học%20môi%20trường%20đại%20cương,%20NXN%20Đại%20học%20Huế.)

[3.Phan Như Thúc, 2008, Giáo trình Quản lí môi trường. ( Sách điện tử)](3.%09Phan%20Như%20Thúc,%202008,%20Giáo%20trình%20Quản%20lí%20môi%20trường.%20(%20Sách%20điện%20tử))

[4.Nguyễn Trần Nhẫn Tánh, 2005, Bài giảng Quản lí môi trường tầi nguyên thiên nhiên và vật liệu, Đại Học An Giang](4.%09Nguyễn%20Trần%20Nhẫn%20Tánh,%202005,%20Bài%20giảng%20Quản%20lí%20môi%20trường%20tầi%20nguyên%20thiên%20nhiên%20và%20vật%20liệu,%20Đại%20Học%20An%20Giang)

[5.http://www.monre.gov.vn/monreNet/default.aspx?tabid=210&ItemID=63362](6.%09http:/www.monre.gov.vn/monreNet/default.aspx?tabid=210&ItemID=63362)

6. <https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/van_hoa_xa_hoi/-/2018/825086/bao-ve-moi-truong-vi-muc-tieu-phat-trien-ben-vung-theo-tinh-than-dai-hoi-xiii-cua-dang.aspx>

7. <https://kinhtemoitruong.vn/quan-ly-moi-truong-la-gi-cong-cu-quan-ly-moi-truong-gom-nhung-gi-66035.html>

8.<https://moit.gov.vn/phat-trien-ben-vung/phat-trien-ben-vung-o-viet-nam-tieu-chi-danh-gia-va-dinh-huo.html>

9.<https://moc.gov.vn/tl/tin-tuc/50378/9-nguyen-tac-phat-trien-ben-vung.aspx>

10.[http://moitruongviet.edu.vn/muc-tieu-co-ban-cua-qlmt/#:~:text=M%E1%BB%A5c%20ti%C3%AAu%20c%E1%BB%A7a%20qu%E1%BA%A3n%20l%C3%BD,v%C3%A0%20b%E1%BA%A3o%20v%E1%BB%87%20m%C3%B4i%20tr%C6%B0%E1%BB%9Dng.](http://moitruongviet.edu.vn/muc-tieu-co-ban-cua-qlmt/" \l ":~:text=M%E1%BB%A5c%20ti%C3%AAu%20c%E1%BB%A7a%20qu%E1%BA%A3n%20l%C3%BD,v%C3%A0%20b%E1%BA%A3o%20v%E1%BB%87%20m%C3%B4i%20tr%C6%B0%E1%BB%9Dng.)

11.<https://vinhyen.vinhphuc.gov.vn/ct/cms/chuyenmuc/moitruong/Lists/hoidap/View_Detail.aspx?ItemID=332>

12.[https://trangluanvan.com/quan-ly-nha-nuoc-ve-moi-truong/#13\_Noi\_dung\_cong\_tac\_quan\_ly\_Nha\_nuoc\_ve\_moi\_truong](https://trangluanvan.com/quan-ly-nha-nuoc-ve-moi-truong/" \l "13_Noi_dung_cong_tac_quan_ly_Nha_nuoc_ve_moi_truong)

13.<https://tietkiemnangluong.evn.com.vn/d6/news/6-nhom-giai-phap-lau-dai-de-bao-ve-moi-truong-va-phat-trien-ben-vung-115-109-8516.aspx>